

CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO  
Số: 12.../MH-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2020

## THƯ MỜI

V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020  
Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO

### **Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần thuốc Thú y trung ương VETVACO**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty với các nội dung sau:

1. **Thời gian họp:** từ 9 giờ, ngày 26 tháng 06 năm 2020
2. **Địa điểm:** Hội trường lớn trụ sở chính của Công ty  
Địa chỉ: Km18, Quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
3. **Nội dung Đại hội:**
  - Dự thảo nguyên tắc và thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
  - Dự thảo quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
  - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị;
  - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của ban TGD;
  - Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban Kiểm soát;
  - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
  - Tờ trình về trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2019;
  - Tờ trình về việc phê duyệt, lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020;
  - Tờ trình về quy chế tiền lương, quỹ tiền lương năm 2020 và thù lao của HĐQT; BKS công ty năm 2020.
4. **Điều kiện tham dự Đại hội:**
  - Tất cả các cổ đông của Công ty cổ phần thuốc Thú y trung ương VETVACO tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 02/06/2020.

- Những cổ đông không thể dự họp ĐHĐCĐ có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự (theo mẫu gửi kèm).
- Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác.

**5. Đăng ký tham dự Đại hội:**

- Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự/ủy quyền bằng thư, fax trước 16h00 ngày 24/06/2020 theo địa chỉ:

*Phòng Hành chính Quản trị - Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO*

*Địa chỉ: Km18, Quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội.*

*Tel: 024.33861337 - Fax: 024.33861799 - Email: [vetvacojsc@gmail.com](mailto:vetvacojsc@gmail.com)*

- Khi đến tham dự, đề nghị quý cổ đông mang theo *Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (theo mẫu gửi kèm)* để làm thủ tục đăng ký tham dự đại hội.

**6. Các tài liệu liên quan đến Đại hội**

Chi tiết nội dung chương trình đại hội được đăng tải tại website công ty: [www.vetvaco.com.vn](http://www.vetvaco.com.vn) từ ngày 10/06/2020.

Trân trọng kính mời!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Công bố trên Website của Công ty;
- Lưu: HC, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Phạm Thanh Long**





## CHƯƠNG TRÌNH HỌP

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

(Ngày 26 tháng 06 năm 2020)

THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h - 9h	<b>Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đón tiếp đại biểu, cổ đông;</li><li>- Kiểm tra tư cách cổ đông và phát thẻ biểu quyết cho cổ đông.</li></ul>
9h - 9h30	<b>Khai mạc Đại hội</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chào cờ, tuyên bố lý do;</li><li>- Giới thiệu thành phần tham dự;</li><li>- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông;</li><li>- Thông qua nguyên tắc thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu;</li><li>- Giới thiệu thông qua đoàn chủ tịch;</li><li>- Đoàn chủ tịch chỉ định thư ký, Ban kiểm phiếu;</li><li>- Thông qua chương trình đại hội;</li><li>- Thông qua quy chế tổ chức đại hội.</li></ul>
9h30 - 11h30	<b>Nội dung Đại hội</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Dự thảo nguyên tắc và thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;</li><li>- Dự thảo quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;</li><li>- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị ;</li><li>- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của ban TGD;</li><li>- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban Kiểm soát;</li><li>- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;</li><li>- Tờ trình về trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2019;</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình về việc phê duyệt, lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020;</li> <li>- Tờ trình về quy chế tiền lương, quỹ tiền lương năm 2020 và thù lao của HĐQT, BKS công ty năm 2020</li> </ul>
11h30 - 12h	<b>Tổng kết Đại hội</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;</li> <li>- Thông qua Biên bản họp Đại hội;</li> <li>- Bế mạc Đại hội</li> </ul>

## BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI





**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

Trụ sở chính : Km18 QL32 xã Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội

Điện thoại: 024.33861337

Fax: 024.33861799

Email: vetvacojsc@gmail.com

Website: www.vetvaco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0500237656

**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

**Kính gửi:** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020  
Công ty cổ phần thuốc thú y trung ương VETVACO

Tên cổ đông: ..... Mã cổ đông: .....

Người đại diện theo pháp luật (đối với cổ đông là tổ chức): .....

CMND/Hộ chiếu/CNĐKKD số ....., cấp ngày ....., tại .....

Địa chỉ: .....

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: ..... cổ phần

Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.

Tổ chức vào ngày: 26/6/2020

Địa điểm: Hội trường lớn, trụ sở chính công ty

Địa chỉ: Km18, Quốc lộ 32, Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội

Hà Nội, ngày ..... tháng 6 năm 2020

**Chữ ký của cổ đông**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**  
Trụ sở chính : Km18 QL32 xã Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội  
Điện thoại: 024.33861337 Fax: 024.33861799  
Email: vetvacojsc@gmail.com Website: www.vetvaco.com.vn  
Mã số doanh nghiệp: 0500237656

**GIẤY ỦY QUYỀN DỰ HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

**Kính gửi:** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020  
Công ty cổ phần thuốc thú y trung ương VETVACO

1. Tên tôi là: ..... Mã cổ đông: .....  
Người đại diện theo pháp luật (đối với cổ đông là tổ chức): .....  
CMND/Hộ chiếu/CNĐKKD số ....., cấp ngày....., tại.....  
Địa chỉ: .....  
Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần
2. Ủy quyền cho (ông/bà): .....Mã cổ đông (nếu có): .....  
CMND/Hộ chiếu/CNĐKKD số ....., cấp ngày....., tại.....  
Địa chỉ: .....  
Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần

Thay tôi dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.

Tổ chức vào ngày 26/6/2020

Địa điểm: Hội trường lớn, trụ sở chính công ty.

Địa chỉ: Km18, Quốc lộ 32, Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị trong buổi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của công ty.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chính các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

**Người được ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày ..... tháng 6 năm 2020  
**Người ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)



Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2020

**NGUYÊN TẮC THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VETVACO sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/8/2015;
- Căn cứ vào nội dung làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Việc biểu quyết, kiểm phiếu thông qua các nội dung, tờ trình của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO theo nguyên tắc và thể lệ sau đây:

1. Mọi Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO phải được biểu quyết công khai trực tiếp.
2. Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự kỳ họp có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền (nếu có).
3. Thể lệ biểu quyết: **Biểu quyết bằng cách đưa cao thẻ biểu quyết**

Khi đăng ký tham dự đại hội, Ban tổ chức sẽ cấp cho mỗi cổ đông, đại diện cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết; trên đó có ghi tên cổ đông, mã cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông đó và có đóng dấu của công ty.

Thẻ biểu quyết được sử dụng để biểu quyết các vấn đề sau:

- Thông qua thành phần đoàn Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu.
- Thông qua Nội dung đại hội.
- Thông qua Quy chế tổ chức đại hội.
- Thông qua Nghị quyết và Biên bản đại hội.

Việc biểu quyết các vấn đề trên tại đại hội được tiến hành bằng hình thức đưa cao thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số thẻ, tổng hợp kết quả và báo cáo cho đại hội.

Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ do ban tổ chức phát hành in sẵn theo mẫu và có đóng dấu của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.

### Cách thức biểu quyết:

Chủ tọa đại hội sẽ yêu cầu cổ đông biểu quyết các nội dung bằng cách ngời tại chỗ và đưa cao thẻ biểu quyết: “*Tán thành*”, “*Không tán thành*”, “*Có ý kiến khác*”.

Như vậy theo sự điều kiện của chủ tọa:

- Lần 1: Cổ đông đưa cao thẻ tán thành.
- Lần 2: Cổ đông đưa cao thẻ không tán thành.
- Lần 3: Cổ đông đưa cao thẻ có ý kiến khác.

Sau mỗi lần biểu quyết, ban kiểm phiếu hoặc ban tổ chức sẽ ghi nhận tỷ lệ biểu quyết tương ứng với số cổ phần của cổ đông biểu quyết, tổng hợp kết quả biểu quyết và báo cáo cho đại hội.

Nguyên tắc, thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO và có hiệu lực ngay sau khi đại hội thông qua.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI  
TRƯỞNG BAN



Phạm Thanh Long



*Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2020*

**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

**Mục tiêu:**

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.
- Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VETVACO sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/8/2015.

**II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (sau đây gọi là Đại hội) của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, người tham dự họp Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ  
CỦA CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

**1. Điều kiện tham dự Đại hội**

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

**2. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội**

- 2.1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.



- 2.2. Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội.
- 2.3. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi mã số cổ đông tham dự và số cổ phần có quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- 2.4. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.
- 2.5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền khi tới dự họp Đại hội được thảo luận và tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung được nêu tại khoản 1 điều này.
- 2.6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Đoàn chủ tịch Đại hội không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

### **3. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự Đại hội**

- 3.1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội phải mang theo Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, giấy ủy quyền (nếu có) hoặc quyết định cử người đại diện phần vốn đối với cổ đông là tổ chức (đối với đại diện theo ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- 3.2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều khiển của Đoàn chủ tịch và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

### **4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

- 4.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng và nhiệm vụ như sau:
  - Kiểm tra tư cách Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đến dự họp (kiểm tra chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy ủy quyền).
  - Phát thẻ biểu quyết cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
  - Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.
- 4.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

### **5. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch Đại hội**

- 5.1. Đoàn chủ tịch gồm 01 Chủ tọa và một số Ủy viên do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- 5.2. Quyết định của Đoàn chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.



5.3. Đoàn chủ tịch tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

5.4. Bất cứ lúc nào Đoàn Chủ tịch có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ của công ty) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.
- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

#### **6. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký**

6.1. Ban thư ký gồm 02 thành viên do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội thông qua.

6.2. Ban thư ký có trách nhiệm ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội; Dự thảo và trình bày trước Đại hội về Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

#### **7. Ban kiểm phiếu**

7.1. Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu và lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

7.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung để Chủ tọa thông báo trước Đại hội.

### **IV. CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **1. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội được tiến hành khi có đa số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp tại Đại hội.

#### **2. Cách thức tiến hành Đại hội**

2.1. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày theo lịch cụ thể do Ban tổ chức Đại hội thông báo.

2.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

### **3. Thông qua các quyết định của Đại hội**

Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp nhận.

### **4. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội**

Tại Đại hội các cổ đông/ người đại diện được ủy quyền có thể phát biểu ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội và phải tuân thủ theo các nguyên tắc, điều kiện sau:

- Cổ đông/người đại diện được ủy quyền giữ thẻ biểu quyết khi muốn phát biểu ý kiến. Việc phát biểu ý kiến phải được chấp thuận của chủ tọa Đại hội.
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình Đại hội.
- Cổ đông không phát biểu lại các ý kiến đã được các cổ đông phát biểu trước đó và chỉ phù hợp với nội dung chương trình đại hội mới được ghi vào biên bản cuộc họp.

### **5. Biên bản và Nghị quyết Đại hội**

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Ban thư ký ghi vào biên bản một cách đầy đủ và trung thực.

Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra nghị quyết của Đại hội

Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu theo quy định.

## **V. HIỆU LỰC THI HÀNH**

Quy chế này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại quy chế này.

**TM BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO  
Số: ...../NQ-ĐHĐCĐ-2020  
(DỰ THẢO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**  
-----

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương VETVACO sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/8/2015;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO ngày 26/06/2020.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và kế hoạch năm 2020

Số cổ đông “tán thành” là.....cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: .....cổ phần, chiếm ..... % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

**Điều 2.** Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo của ban Tổng giám đốc

Số cổ đông “tán thành” là.....cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: ..... cổ phần, chiếm .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

**Điều 3.** Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Số cổ đông “tán thành” là.....cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: ..... cổ phần, chiếm .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

**Điều 4.** Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019

Số cổ đông “tán thành” là.....cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: ..... cổ phần, chiếm .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

**Điều 5.** Đại hội đã nhất trí thông qua Tờ trình về việc phê duyệt lựa chọn tổ chức kiểm toán năm 2020

Số cổ đông “tán thành” là.....cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: .....cổ phần, chiếm .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

**Điều 6.** Đại hội đã nhất trí thông qua việc trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2019

**Lợi nhuận sau thuế năm 2019:**

- Trích quỹ đầu tư phát triển (30%)
- Trích quỹ dự trữ vốn điều lệ (5%)
- Chia Cổ tức năm 2019
- Lợi tức/ cổ phần

Số cổ đông “tán thành” là.....cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: .....cổ phần, chiếm .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

**Điều 7.** Đại hội đã nhất trí thông qua tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

Số cổ đông “tán thành” là.....cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: .....cổ phần, chiếm .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

**Điều 8.** Đại hội đã nhất trí thông qua tờ trình về tiền lương; chế độ thù lao; tiền thưởng của công ty năm 2020 như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị

- Thành viên HĐQT : 3.000.000 đ/tháng



- Trưởng BKS : 3.000.000 đ/tháng
  - Thành viên BKS : 1.500.000 đ/tháng
2. Tiền lương; tiền thưởng của công ty năm 2020: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng theo mức lương đang thực hiện chi trả như năm 2019;
  3. Số cổ đông “tán thành” là.....cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: .....cổ phần, chiếm .....% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

**Điều 9.** Triển khai thực hiện Nghị quyết:

1. Toàn văn Nghị quyết này đã được đọc và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VET VA CO và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sao, gửi đến các cổ đông của Công ty hoặc đăng trên website của Công ty bản Nghị quyết này.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông, người lao động Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VET VA CO có trách nhiệm tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các nội dung của Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

***Nơi nhận :***

- Đảng ủy Công ty (thay b/c);
- Các cổ đông, phòng ban, PX;
- Đăng website Công ty;
- Lưu HC, HĐQT Công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**  
***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*  
*đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880  
CN Hà Nội: P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84-24) 3244.40.44 / Fax: (84-24) 3244.40.45



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>5 – 28</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 28

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co (tiền thân là Xí nghiệp Thuốc Thú Y Trung Ương) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500237656 ngày 23 tháng 02 năm 1993 và Quyết định số 32 NN-TCCB/QĐ ngày 08 tháng 01 năm 1993.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 05 số 0500237656 ngày 25 tháng 01 năm 2014, "Doanh nghiệp Cổ phần hóa từ Xí nghiệp Thuốc Thú Y Trung Ương – Theo Quyết định số 2895/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn", Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu (Chi tiết: Sản xuất, xuất nhập khẩu thuốc thú y, thủy sản, chế phẩm sinh học dùng trong thú y, thủy sản).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Thanh Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Ủy viên

#### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Tài chính Kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Quang Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Loan	Trưởng phòng TCKT

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG VET VÀ CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

---

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Tuấn Hùng**

Số: 83/2020/BCKT-AASCN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vet Va Co tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn**  
**Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Phó Giám đốc****Mai Văn Công**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1

**Kiểm toán viên****Nguyễn Hải Linh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

**Trụ sở chính**29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880  
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn**Chi nhánh Hà Nội**P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội  
Điện thoại: 024 3244.40.44 / Fax: 024 3244.40.45  
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>89.856.352.387</b>	<b>120.969.180.267</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18.400.593.851</b>	<b>54.254.566.866</b>
1.	Tiền	111	V.01	18.400.593.851	54.254.566.866
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.031.921.250</b>	<b>45.201.548.699</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	29.365.941.933	34.992.076.352
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.916.965.948	7.940.330.647
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.928.187.283	2.737.902.576
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(179.173.914)	(468.760.876)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>35.361.624.656</b>	<b>20.208.561.873</b>
1.	Hàng tồn kho	141		35.366.765.647	20.213.702.864
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(5.140.991)	(5.140.991)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.062.212.630</b>	<b>1.304.502.829</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.839.186.498	1.304.502.829
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	223.026.132	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.924.795.426</b>	<b>32.860.679.510</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.415.020.759</b>	<b>29.996.600.549</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	41.415.020.759	29.996.600.549
	- Nguyên giá	222		140.807.084.616	122.900.658.640
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(99.392.063.857)	(92.904.058.091)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	-
	- Nguyên giá	228		113.255.560	113.255.560
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(113.255.560)	(113.255.560)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>509.774.667</b>	<b>2.864.078.961</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	509.774.667	2.864.078.961
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>131.781.147.813</b>	<b>153.829.859.777</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>72.871.995.241</b>	<b>97.519.315.373</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71.684.826.306</b>	<b>96.332.146.438</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	34.477.348.957	62.687.693.450
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	143.234.851	312.709.462
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	68.771.790	480.713.850
4.	Phải trả người lao động	314		3.686.000.000	5.200.589.689
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.880.995.133	3.337.049.929
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	27.681.808.325	20.621.359.834
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	302.000.000	302.000.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.444.667.250	3.390.030.224
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.187.168.935</b>	<b>1.187.168.935</b>
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		1.187.168.935	1.187.168.935
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>58.909.152.572</b>	<b>56.310.544.404</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>58.909.152.572</b>	<b>56.310.544.404</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		6.365.453.044	6.365.453.044
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(234.900.000)	(234.900.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		9.068.530.794	7.059.530.794
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		676.469.277	326.786.077
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.033.599.457	6.793.674.489
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		459.767.463	97.099.263
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6.573.831.994	6.696.575.226
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>131.781.147.813</b>	<b>153.829.859.777</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Ngô Tùng Lâm

Lưu Thị Loan

Nguyễn Tuấn Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	184.272.166.671	227.662.726.729
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	890.876.172	28.571.420
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		183.381.290.499	227.634.155.309
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	112.015.081.266	154.324.375.684
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.366.209.233	73.309.779.625
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	190.651.701	258.955.227
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	344.902.315	905.975.932
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.551.791	91.173.600
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	34.367.839.329	29.248.429.632
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	28.550.581.530	34.758.060.641
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.293.537.760	8.656.268.647
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	-	156.050.178
12.	Chi phí khác	32	VI.07	60.998.214	196.575.116
13.	Lợi nhuận khác	40		(60.998.214)	(40.524.938)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.232.539.546	8.615.743.709
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.658.707.552	1.919.168.483
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.573.831.994	6.696.575.226
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.831	1.800
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.831	1.800

Người lập biểu



Ngô Tùng Lâm

Trưởng phòng TCKT



Lưu Thị Loan

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Tuấn Hùng



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		8.232.539.546	8.615.743.709
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		6.488.005.766	3.830.129.125
-	Các khoản dự phòng	03		(289.586.962)	(646.725.617)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(155.796)	(104.626.075)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(35.432.407)	(67.422.002)
-	Chi phí lãi vay	06		27.551.791	91.173.600
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.422.921.938	11.718.272.740
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.924.629.742	(8.866.363.692)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.153.062.783)	(6.141.728.834)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(24.376.035.352)	12.512.579.489
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.354.205.294	239.581.008
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(27.551.791)	(91.173.600)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.095.363.765)	(1.976.704.718)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	6.365.453.044
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(179.255.000)	(2.678.420.803)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(14.129.511.717)</b>	<b>11.081.494.634</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(17.906.425.976)	(6.868.249.142)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.432.407	67.422.002
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(17.870.993.569)</b>	<b>(6.800.827.140)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(66.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.853.623.525)	(2.259.565.680)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.853.623.525)</b>	<b>(2.325.565.680)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(35.854.128.811)</b>	<b>1.955.101.814</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>54.254.566.866</b>	<b>52.299.233.162</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		155.796	231.890
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>18.400.593.851</b>	<b>54.254.566.866</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc





Ngô Tùng Lâm

Lưu Thị Loan

Nguyễn Tuấn Hùng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2019**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu (Chi tiết: Sản xuất, xuất nhập khẩu thuốc thú y, thủy sản, chế phẩm sinh học dùng trong thú y, thủy sản).

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **03. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

### 01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	488.559.818	770.881.856
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.912.034.033	53.483.685.010
<b>Cộng</b>	<b>18.400.593.851</b>	<b>54.254.566.866</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>29.365.941.933</b>	<b>34.992.076.352</b>
- Chi cục Chăn nuôi và thuốc Thú Y Bắc Ninh	-	3.725.464.050
- Chi cục Thú Y Thanh Hóa	6.990.189.802	3.386.059.802
- Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Navetco	2.783.967.818	2.912.953.733
- Trạm Vật tư và Thuốc Thú Y	2.554.650.000	6.000.750.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	17.037.134.313	18.966.848.767
<b>Cộng</b>	<b>29.365.941.933</b>	<b>34.992.076.352</b>

**03. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.916.965.948</b>	<b>7.940.330.647</b>
- Công ty TNHH Cellco Việt Nam	-	2.195.573.350
- Công ty Cổ phần Thiết bị máy móc Thuận Thiên	-	5.087.374.600
- Công ty TNHH In & Thương mại PRCO	401.500.000	11.250.000
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ Linh Trang Long	302.221.730	-
- Công ty TNHH Chế biến Nông sản Hoàng Huy	771.680.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	441.564.218	646.132.697
<b>Cộng</b>	<b>1.916.965.948</b>	<b>7.940.330.647</b>

**04. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.928.187.283</b>	-	<b>2.737.902.576</b>	<b>(198.594.210)</b>
- Tạm ứng	2.501.164.118	-	2.245.894.390	(198.594.210)
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	42.518.176	-	219.590.920	-
- Phải thu khác	384.504.989	-	272.417.266	-
<b>Cộng</b>	<b>2.928.187.283</b>	-	<b>2.737.902.576</b>	<b>(198.594.210)</b>

**05. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Bà Nguyễn Thị Bích Hợp	-	-	20.826.090	-
- Ông Cao Văn Phương	232.316.812	146.069.622	431.235.949	215.617.974
- Ông Bùi Doãn Mùi	215.617.974	122.691.250	464.633.624	232.316.813
<b>Cộng</b>	<b>447.934.786</b>	<b>268.760.872</b>	<b>916.695.663</b>	<b>447.934.787</b>

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	23.059.961.399	-	6.249.045.544	-
- Công cụ, dụng cụ	288.131.287	-	151.727.546	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	752.015.654	-	219.994.442	-
- Thành phẩm	9.833.863.507	(5.140.991)	11.705.615.358	(5.140.991)
- Hàng hoá	-	-	21.979.849	-
- Hàng gửi bán	1.432.793.800	-	1.865.340.125	-
<b>Cộng</b>	<b>35.366.765.647</b>	<b>(5.140.991)</b>	<b>20.213.702.864</b>	<b>(5.140.991)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**  
Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>69.296.601.842</b>	<b>47.362.567.745</b>	<b>5.495.341.240</b>	<b>746.147.813</b>	<b>122.900.658.640</b>
- Mua trong năm	-	14.205.313.937	-	-	14.205.313.937
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.701.112.039	-	-	-	3.701.112.039
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>72.997.713.881</b>	<b>61.567.881.682</b>	<b>5.495.341.240</b>	<b>746.147.813</b>	<b>140.807.084.616</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>55.560.387.537</b>	<b>32.768.270.897</b>	<b>4.008.709.194</b>	<b>566.690.463</b>	<b>92.904.058.091</b>
- Khấu hao trong năm	2.211.229.485	3.846.482.909	404.537.460	25.755.912	6.488.005.766
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>57.771.617.022</b>	<b>36.614.753.806</b>	<b>4.413.246.654</b>	<b>592.446.375</b>	<b>99.392.063.857</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>13.736.214.305</b>	<b>14.594.296.848</b>	<b>1.486.632.046</b>	<b>179.457.350</b>	<b>29.996.600.549</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>15.226.096.859</b>	<b>24.953.127.876</b>	<b>1.082.094.586</b>	<b>153.701.438</b>	<b>41.415.020.759</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 82.295.300.898 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**  
Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>113.255.560</i>	<i>113.255.560</i>
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>113.255.560</i>	<i>113.255.560</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>113.255.560</i>	<i>113.255.560</i>
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>113.255.560</i>	<i>113.255.560</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 113.255.560 đồng.

**09. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Dài hạn</i>	<i>509.774.667</i>	<i>2.864.078.961</i>
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	94.921.054	934.749.241
- Chi phí sửa chữa	414.853.613	1.929.329.720
<b>Cộng</b>	<b>509.774.667</b>	<b>2.864.078.961</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**  
 Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	302.000.000	302.000.000	-	-	302.000.000	302.000.000
- Vay đối tượng khác	302.000.000	302.000.000	-	-	302.000.000	302.000.000
+ Vay cán bộ công nhân viên (*)	302.000.000	302.000.000	-	-	302.000.000	302.000.000
Cộng	302.000.000	302.000.000	-	-	302.000.000	302.000.000

(\*) Khoản vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên trong Công ty có thời hạn từ 01 đến 03 tháng. Lãi suất vay trong năm là 0,63%/tháng.

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	34.477.348.957	34.477.348.957	62.687.693.450	62.687.693.450
- Công ty Merial	32.073.609.564	32.073.609.564	58.091.238.520	58.091.238.520
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.403.739.393	2.403.739.393	4.596.454.930	4.596.454.930
Cộng	34.477.348.957	34.477.348.957	62.687.693.450	62.687.693.450

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	143.234.851	143.234.851	312.709.462	312.709.462
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	143.234.851	143.234.851	312.709.462	312.709.462
Cộng	143.234.851	143.234.851	312.709.462	312.709.462



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**  
 Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.974.818.963	2.974.818.963	2.974.818.963	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	77.845.893	77.845.893	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	213.630.081	1.658.707.552	2.095.363.765	223.026.132	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	267.083.769	135.484.312	333.796.291	-	68.771.790
- Thuế tài nguyên	-	-	65.620.200	65.620.200	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	5.042.537.640	5.042.537.640	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	28.258.414	28.258.414	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>480.713.850</b>	<b>9.983.272.974</b>	<b>10.618.241.166</b>	<b>223.026.132</b>	<b>68.771.790</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.880.995.133</b>	<b>3.337.049.929</b>
- Trích trước chi phí chiết khấu bán hàng	1.406.576.961	3.337.049.929
- Trích trước lương	474.418.172	-
<b>Cộng</b>	<b>1.880.995.133</b>	<b>3.337.049.929</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>27.681.808.325</b>	<b>20.621.359.834</b>
- Kinh phí công đoàn	130.660.968	62.937.486
- Phải trả về cổ phần hóa	300.000.000	300.000.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	171.245.617	283.537.342
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.079.901.740	19.974.885.006
+ Hàng dự trữ quốc gia (*)	22.989.373.952	16.590.671.496
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.683.769.394	2.683.769.394
+ Các đối tượng khác	1.406.758.394	700.444.116
<b>Cộng</b>	<b>27.681.808.325</b>	<b>20.621.359.834</b>

(\*): Nguồn tiền để bù đắp cho lượng hàng dự trữ quốc gia mà Công ty đã bán, xuất đạo, luân chuyển hóa chất sát trùng và vắc xin các loại dự trữ quốc gia để đảm bảo chất lượng và hạn sử dụng trong quá trình dự trữ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**  
Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**16. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>36.000.000.000</b>	-	-	<b>6.926.611.582</b>	<b>91.601.684</b>	<b>4.703.687.867</b>	<b>47.721.901.133</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	(234.900.000)	-	-	-	(234.900.000)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6.696.575.226	6.696.575.226
Tăng khác	-	6.365.453.044	-	936.457.155	-	-	7.301.910.199
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.411.106.360	235.184.393	(4.606.588.604)	(2.960.297.851)
Giảm khác	-	-	-	(2.214.644.303)	-	-	(2.214.644.303)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>6.365.453.044</b>	<b>(234.900.000)</b>	<b>7.059.530.794</b>	<b>326.786.077</b>	<b>6.793.674.489</b>	<b>56.310.544.404</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>							
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	6.573.831.994	6.573.831.994
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	2.009.000.000	349.683.200	(6.333.907.026)	(3.975.223.826)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>6.365.453.044</b>	<b>(234.900.000)</b>	<b>9.068.530.794</b>	<b>676.469.277</b>	<b>7.033.599.457</b>	<b>58.909.152.572</b>

(\*): Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 18/NQ-ĐHĐCĐ-2019 ngày 12 tháng 6 năm 2019, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 cụ thể như sau:

	Số tiền
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	2.009.000.000
Trích Quỹ khác thuộc VCSH	349.683.200
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	233.892.026
Trích cổ tức chi trả	3.741.331.800
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>6.333.907.026</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ %</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ %</u>
Vốn góp của Nhà nước	23.400.000.000	65,00	23.400.000.000	65,00
Vốn góp của các cổ đông khác:	12.600.000.000	35,00	12.600.000.000	35,00
- Công ty Cổ phần Anova	3.600.000.000	10,00	3.600.000.000	10,00
- Công đoàn Công ty	360.000.000	1,00	360.000.000	1,00
- Bà Lê Thị Thanh Thảo	2.000.000.000	5,56	2.000.000.000	5,56
- Bà Huỳnh Phương Thảo	1.250.000.000	3,47	1.250.000.000	3,47
- Các đối tượng khác	5.390.000.000	14,97	5.390.000.000	14,97
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.741.331.800	1.190.821.892

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	9.000	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.591.000	3.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.591.000	3.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	9.068.530.794	7.059.530.794
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	676.469.277	326.786.077
<b>Cộng</b>	<b>9.745.000.071</b>	<b>7.386.316.871</b>

**17. Các khoản mục ngoài bản cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	757,74	763,24



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Đơn vị tính: VND*

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng	2.296.014.211	1.184.636.551
- Doanh thu bán thành phẩm	181.560.323.751	226.040.840.360
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	415.828.709	437.249.818
<b>Cộng</b>	<b>184.272.166.671</b>	<b>227.662.726.729</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Hàng bán bị trả lại	890.876.172	28.571.420
<b>Cộng</b>	<b>890.876.172</b>	<b>28.571.420</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.059.438.807	874.849.299
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	109.657.349.005	153.186.421.831
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	298.293.454	263.104.554
<b>Cộng</b>	<b>112.015.081.266</b>	<b>154.324.375.684</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi	35.432.407	67.422.002
- Lãi chênh lệch tỷ giá	155.219.294	191.533.225
<b>Cộng</b>	<b>190.651.701</b>	<b>258.955.227</b>

**05. Chi phí tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền vay	27.551.791	91.173.600
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	317.350.524	814.802.332
<b>Cộng</b>	<b>344.902.315</b>	<b>905.975.932</b>

**06. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Thu nhập khác	-	156.050.178
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>156.050.178</b>

**07. Chi phí khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	25.258.414	196.575.116
- Các khoản khác	35.739.800	-
<b>Cộng</b>	<b>60.998.214</b>	<b>196.575.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>28.550.581.530</b>	<b>34.758.060.641</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.870.007.979	10.737.321.195
- Chi phí vật liệu quản lý	998.849.405	3.242.582.112
- Chi phí khấu hao TSCĐ	535.191.771	430.293.372
- Thuế, phí và lệ phí	5.111.157.840	5.058.375.840
- Chi phí dự phòng	179.173.914	200.000.004
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.856.200.621	15.089.488.118
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>34.367.839.329</b>	<b>29.248.429.632</b>
- Chi phí nhân viên	1.316.868.574	1.458.075.289
- Chi phí vật liệu, bao bì	6.004.934.629	4.751.182.010
- Chi phí khấu hao TSCĐ	63.795.996	70.293.168
- Các khoản chi phí bán hàng khác	26.982.240.130	22.968.879.165
<b>Cộng</b>	<b>62.918.420.859</b>	<b>64.006.490.273</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành <sup>(*)</sup>	1.658.707.552	1.762.463.765
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	156.704.718
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.658.707.552</b>	<b>1.919.168.483</b>

**(\*) Chi tiết cách xác định chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.232.539.546	8.615.743.709
Các khoản điều chỉnh tăng	60.998.214	196.575.116
<i>Phạt hành chính</i>	<i>60.998.214</i>	<i>196.575.116</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	8.293.537.760	8.812.318.825
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>1.658.707.552</b>	<b>1.762.463.765</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	6.573.831.994	6.696.575.226
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.573.831.994	6.696.575.226
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	233.892.026
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.591.000	3.591.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.831</b>	<b>1.800</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	6.573.831.994	6.696.575.226
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.573.831.994	6.696.575.226
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	233.892.026
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.591.000	3.591.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.831</b>	<b>1.800</b>

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.083.183.276	111.739.691.864
- Chi phí nhân công	25.366.526.742	34.190.242.723
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.488.005.766	3.830.129.125
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.952.481.072	28.004.048.955
- Chi phí khác bằng tiền	35.464.961.909	42.796.919.082
- Chi phí dự phòng	179.173.914	200.000.004
<b>Cộng</b>	<b>171.534.332.679</b>	<b>220.761.031.753</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, trưởng phòng tài chính kế toán.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	1.341.761.766	2.118.974.892
<b>Tổng</b>	<b>1.341.761.766</b>	<b>2.118.974.892</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**  
 Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

**03. Thông tin bộ phận**

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: Sản xuất, xuất nhập khẩu thuốc thú y, thủy sản, chế phẩm sinh học dùng trong thú y, thủy sản).

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

*Đơn vị tính: VND*

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.400.593.851	-	54.254.566.866	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.750.347.922	(179.173.914)	35.264.493.618	(270.166.666)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>48.150.941.773</b>	<b>(179.173.914)</b>	<b>89.519.060.484</b>	<b>(270.166.666)</b>		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	34.477.348.957	62.687.693.450	(*)	(*)
Vay và nợ	302.000.000	302.000.000	(*)	(*)
Chi phí phải trả	1.880.995.133	3.337.049.929	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	27.251.147.357	20.258.422.348	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>63.911.491.447</b>	<b>86.585.165.727</b>		

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường(nếu có đầu tư cổ phiếu, không thì bỏ) và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**  
Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	34.477.348.957	-	-	34.477.348.957
Vay và nợ	302.000.000	-	-	302.000.000
Chi phí phải trả	1.880.995.133	-	-	1.880.995.133
Các khoản phải trả khác	27.251.147.357	-	-	27.251.147.357
<b>Cộng</b>	<b>63.911.491.447</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>63.911.491.447</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	62.687.693.450	-	-	62.687.693.450
Vay và nợ	302.000.000	-	-	302.000.000
Chi phí phải trả	3.337.049.929	-	-	3.337.049.929
Các khoản phải trả khác	20.258.422.348	-	-	20.258.422.348
<b>Cộng</b>	<b>86.585.165.727</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>86.585.165.727</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO**

Km 18, quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## **08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

## **09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

**Ngô Tùng Lâm**

Trưởng phòng TCKT

**Lưu Thị Loan**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Tuấn Hùng**